NGHỊ ĐỊNH THƯ SỬA ĐỔI
HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA
VỀ
KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia,

MONG MUỐN ký Nghị định thư sửa đổi Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia về khuyến khích và bảo hộ đầu tư ký tại Phnôm-pênh, ngày 26 tháng 11 năm 2001 (sau đây gọi là "Hiệp định"),

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

1. Bổ sung vào sau Điều 12 của Hiệp định các Điều 13, 14, 15 như sau:

"

ĐIỀU 13.
CƠ QUAN ĐẦU MỐI

1. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, mỗi Bên ký kết phải thành lập cơ quan đầu mối để hỗ trợ trao đổi thông tin giữa các Bên ký kết về bất cứ vấn đề nào thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định. Sau khi nhận được yêu cầu của Bên ký kết kia, cơ quan đầu mối phải:

   (a) xác định cơ quan hoặc cán bộ chịu trách nhiệm đối với vấn đề liên quan; và

   (b) cung cấp hỗ trợ cần thiết để tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin về vấn đề đó với Bên yêu cầu.

2. Trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc, mỗi Bên ký kết phải trả lời tất cả các yêu cầu của Bên ký kết kia liên quan đến việc cung cấp thông tin về:

(a) Bất kỳ biện pháp hoặc hiệp định quốc tế nào mà Bên ký kết kia tham gia ký kết có liên quan hoặc ảnh hưởng đến nhà đầu tư hoặc hoạt động đầu tư;

(b) Bất kỳ việc ban hành mới hoặc điều chỉnh nào đối với các biện pháp hiện hành có liên quan được áp dụng chung, hoặc hướng dẫn hành chính mà việc ban hành mới hoặc thay đổi đó có ảnh hưởng đáng kể đến nhà đầu tư hoặc hoạt động đầu tư, bất kể là Bên ký kết đó trước đây có thông báo cho Bên ký kết kia về việc ban hành mới hoặc điều chỉnh đối với các biện pháp hiện hành có liên quan được áp dụng chung, hoặc hướng dẫn hành chính hay không.

3. Mọi thông báo hoặc việc trao đổi thông tin nào quy định trong Điều này phải được cung cấp cho Bên ký kết kia bằng tiếng Anh qua đầu mối thông tin.

ĐIỀU 14.
ỦY BAN HỖN HỢP VỀ ĐẦU TƯ

1. Trong vòng hai (02) tháng kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, các Bên ký kết sẽ thành lập Ủy ban hỗn hợp về đầu tư (sau đây gọi là "Ủy ban") nhằm thực hiện các mục tiêu của Hiệp định này. Chức năng của Ủy ban gồm:

(a) thảo luận và rà soát việc thực hiện Hiệp định này; và

(b) thảo luận bất kỳ vấn đề về đầu tư nào liên quan đến Hiệp định này.

2. Ủy ban có thể đưa ra những khuyến nghị thích hợp đối với các Bên ký kết, nếu cần thiết, trên nguyên tắc đồng thuận nhằm hoạt động hiệu quả hơn hoặc đạt được mục tiêu của Hiệp định này.

3. Ủy ban bao gồm đại diện của các Bên ký kết. Ủy ban tự quyết định các quy tắc về trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ của mình.

4. Ủy ban, trên cơ sở đồng thuận giữa các Bên ký kết, có thể tổ chức các phiên họp với khu vực tư nhân.

5. Nếu các Bên ký kết không có quyết định khác, Ủy ban họp mỗi năm một lần, hoặc theo lịch trình khác theo yêu cầu của bất kỳ Bên ký kết nào.

ĐIỀU 15.
TẠO THUẬN LỢI CHO ĐẦU TƯ

Mỗi Bên căn cứ quy định pháp luật của mình sẽ tạo thuận lợi cho đầu tư của Bên ký kết kia thông qua các biện pháp:

(a) tạo môi trường cần thiết cho các hình thức đầu tư;

(b) đơn giản hóa thủ tục đăng ký và chấp thuận đầu tư;

(c) tăng cường quảng bá thông tin đầu tư, bao gồm nhưng không chỉ là luật pháp, chính sách và thủ tục về đầu tư, các hiệp định thương mại song phương và đa phương; và

(d) hỗ trợ và cung cấp dịch vụ tư vấn cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia, bao gồm nhưng không chỉ là tạo thuận lợi đối với các hoạt động cấp giấy phép và chấp nhận đầu tư và hỗ trợ trong quá trình hoạt động của dự án đầu tư. ”

2. Điều 13 (HIỆU LỰC, THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT) của Hiệp định được đánh số lại thành Điều 16 (HIỆU LỰC, THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT).

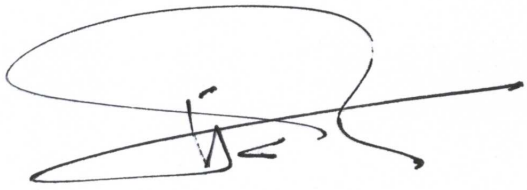
Điều 2

1. Nghị định thư này là một phần không thể tách rời của Hiệp định.

2. Nghị định thư này có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi (30) sau ngày nhận được thông báo cuối cùng bằng văn bản của các Bên ký kết thông qua kênh ngoại giao về việc hoàn tất các thủ tục pháp lý trong nước để Nghị định thư này có hiệu lực, hoặc vào ngày Hiệp định có hiệu lực, tuỳ theo thời gian nào muộn hơn. Nghị định thư có hiệu lực trong thời gian Hiệp định có hiệu lực.

Để làm chứng những điều trên đây, những người ký tên dưới đây được Chính phủ nước mình ủy quyền hợp lệ đã ký kết Nghị định thư này.

Nghị định thư này được làm tại Kiên Giang, ngày 24 tháng 6 năm 2012 thành hai bản gốc bằng tiếng Việt, tiếng Khơ-me và tiếng Anh, các văn bản có giá trị ngang nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA
	
NGUYỄN THẾ PHƯƠNG **Thứ trưởng** **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	**SOK CHENDA SOPHEA** **Bộ trưởng bên cạnh Thủ tướng** **Tổng thư ký Hội đồng Phát triển Cam-pu-chia**

PROTOCOL

TO AMEND THE AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE KINGDOM OF CAMBODIA

CONCERNING THE PROMOTION AND PROTECTION OF INVESTMENTS

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Kingdom of Cambodia,

DESIRING to conclude a Protocol to amend the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Kingdom of Cambodia concerning the Promotion and Protection of Investments done at Phnom Penh on 26th November 2001 (hereinafter referred to as the "Agreement"),

HAVE AGREED AS FOLLOWS:

Article 1

1. Articles XIII, XIV, XV shall be inserted after Article XII of the Agreement and shall read as follows:

"

ARTICLE XIII
CONTACT POINT

1. Each Contracting Party shall establish a contact point, within fifteen (15) days after this Agreement enters into force, to facilitate communications between the Contracting Parties on any matter covered by this Agreement. Upon the request of the other Contracting Party, the contact point shall:

(a) identify the office or official responsible for the relevant matter; and

(b) assist as necessary in facilitating communications with the requesting Contracting Party with respect to that matter.

2. Each Contracting Party shall respond within fifteen (15) working days to all requests by the other Contracting Party for specific information on:

(a) any measure or international agreement pertaining to or affecting investors or investment activities to which a Contracting Party is a signatory; and

(b) any new or change to existing relevant measures of general application or administrative guidelines which significantly affect investors or investment activities, whether or not the other Contracting Party has been previously notified of the new or changed relevant measure of general application or administrative guidelines.

3. Any notification or communication under this Article shall be provided to the other Contracting Party through the relevant contact point in English language.

ARTICLE XIV
JOINT COMMITTEE ON INVESTMENT

1. The Contracting Parties shall establish a Joint Committee on Investment (hereinafter referred to as "the Committee"), within two (02) months after the Agreement comes into force, with a view to accomplishing the objectives of this Agreement. The functions of the Committee shall be:

(a) to discuss and review the implementation and operation of this Agreement; and

(b) to discuss any other investment-related matters concerning this Agreement.

2. The Committee may, as necessary, make appropriate recommendations by consensus to the Contracting Parties for the more effective functioning or the attainment of the objectives of this Agreement.

3. The Committee shall be composed of representatives of the Contracting Parties. The Committee shall determine its own rules of procedure to carry out its functions.

4. The Committee, upon mutual consent of the Contracting Parties, may hold joint meetings with the private sectors.

5. Unless otherwise decided by the Contracting Parties, the Committee shall meet once a year, or otherwise at the request of either Contracting Party.

ARTICLE XV
FACILITATION OF INVESTMENT

Subject to its laws and regulations, each Contracting Party shall facilitate investments from the other Contracting Party through, amongst others:

(a) creating the necessary environment for all forms of investment;

(b) simplifying procedures for investment applications and approvals;

(c) promoting the dissemination of investment information, including, but not limited to, investment rules, regulations, policies, other bilateral and multilateral trade agreements, and procedures; and

(d) providing assistance and advisory services to investors of the other Contracting Party, including, but not limited to, facilitating the application of licences and permits and operation of investment projects. "

2. Article XIII (ENTRY INTO FORCE, DURATION AND TERMINATION) of the Agreement shall be renumbered to Article XVI (ENTRY INTO FORCE, DURATION AND TERMINATION).

Article 2

1. This Protocol shall form an integral part of the Agreement.

2. This Protocol shall enter into force on the thirtieth (30th) day following the date of the receipt of the later notification by the Contracting Parties in writing, through diplomatic channels, that their internal legal requirements for the entry into force of this Protocol has been complied with, or on the date of entry into force of the Agreement, whichever is later. The Protocol shall remain in force as long as the Agreement remains in force.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned being duly authorized by their Governments have signed this Protocol.

Done at Kien Giang on this 24th day of June 2012, in duplicate in Vietnamese, Khmer and English languages. All texts are equally authentic. In case of divergence in the interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE KINGDOM OF CAMBODIA
NGUYEN THE PHUONG **Vice Minister of Planning and Investment**	**SOK CHENDA SOPHEA** **Minister attached to the Prime Minister** **Secretary General of** **Council for the Development of Cambodia**

ពិធីសារស្តីពី

វិសោធនកម្មលើកិច្ចព្រមព្រៀង

រវាង

រដ្ឋាភិបាលនៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម

និង

រដ្ឋាភិបាលនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា

ស្តីពី

ការជំរុញ និងការការពារវិនិយោគ

ដោយមានឆន្ទៈធ្វើឱ្យសម្រេចចេញនូវពិធីសារ ដើម្បីធ្វើវិសោធនកម្មកិច្ចព្រមព្រៀង រវាង រដ្ឋាភិបាលនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា និងរដ្ឋាភិបាលនៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម ស្តីពីការជំរុញនិងការការពារវិនិយោគដែលបានធ្វើនៅទីក្រុងភ្នំពេញ កាលពីថ្ងៃទី ២៦ ខែ វិច្ឆិកា ឆ្នាំ ២០០១ (ចាប់ពីពេលនេះតទៅ ហៅថា "**កិច្ចព្រមព្រៀង**")

តាគីនាំចពីរបានព្រមព្រៀងគ្នាដូចតទៅ :

មាត្រា ១

១. មាត្រា ១៣ - ១៤ - ១៥ ត្រូវបានដាក់បញ្ចូល និងមានខ្លឹមសារដូចតទៅ :

"

មាត្រា ១៣

ចំណុចទំនាក់ទំនង

១- ភាគីជាប់កិច្ចសន្យានីមួយៗ ត្រូវបង្កើតឱ្យបាននូវចំណុចទំនាក់ទំនងនៅក្នុងរយៈពេលដប់ប្រាំ (១៥) ថ្ងៃ ក្រោយកិច្ចព្រមព្រៀងនេះចូលជាធរមាន ក្នុងស្មារតីសម្រួលនូវការទំនាក់ទំនងរវាងភាគីជាប់កិច្ចសន្យា លើរាល់បញ្ហាដែលគ្របដណ្តប់ដោយកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។ នៅពេលមានសំណើរបស់ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀត ចំណុច

ទំនាក់ទំនងត្រូវ :

(ក) ផ្តល់នូវអត្តសញ្ញាណនៃការិយាល័យ ឬមន្ត្រីទទួលបន្ទុកសម្រាប់បញ្ហាពាក់ព័ន្ធ។ និង

(ខ) ជួយសម្រួលតាមការចាំបាច់ដល់ការទំនាក់ទំនងជាមួយភាគីជាប់កិច្ចសន្យាពាក់ព័ន្ធនឹងបញ្ហានោះ។

២- ភាគីជាប់កិច្ចសន្យានីមួយៗ ត្រូវឆ្លើយតបនៅក្នុងរយៈពេលដប់ប្រាំ (១៥)ថ្ងៃ នៃថ្ងៃធ្វើការទៅលើរាល់សំណើផ្សេងៗដែលបានលើកឡើងដោយភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀត ពាក់ព័ន្ធទៅនឹងព័ត៌មានជាក់លាក់ស្តីពី:

(ក) កិច្ចព្រមព្រៀងអន្តរជាតិ ឬ វិធានការណាមួយដែលទាក់ទង ឬ មានឥទ្ធិពលប៉ះពាល់ដល់អ្នកវិនិយោគ ឬ សកម្មភាពវិនិយោគដែលភាគីជាប់កិច្ចសន្យាជាហត្ថលេខី។ និង

(ខ) ការផ្លាស់ប្តូរ ឬវិធានការថ្មីណាមួយទៅលើវិធានការពាក់ព័ន្ធទៅនឹងការអនុវត្តជាទូទៅ ឬ គោលការណ៍ណែនាំផ្ទៃករដ្ឋបាល ដែលមានស្រាប់ហើយដែលមានឥទ្ធិពលប៉ះពាល់ជាសារវ័ន្តទៅដល់អ្នកវិនិយោគ ឬ សកម្មភាពវិនិយោគ ទោះបីថាភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀតនោះ ត្រូវបានជូនដំណឹងជាមុនអំពីការផ្លាស់ប្តូរ ឬវិធានការថ្មីពាក់ព័ន្ធទៅនឹងការអនុវត្តជាទូទៅ ឬគោលការណ៍ណែនាំផ្ទៃករដ្ឋបាលរួចហើយ ក៏ដោយ។

៣- ការជូនដំណឹង ឬការទំនាក់ទំនងណាមួយនៃមាត្រានេះ ត្រូវបានផ្តល់ឱ្យទៅភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀត តាមរយៈចំណុចទំនាក់ទំនងពាក់ព័ន្ធជាភាសាអង់គ្លេស ។

មាត្រា ១៤

គណៈកម្មាធិការចម្រុះស្តីពីវិនិយោគ

១- ភាគីជាប់កិច្ចសន្យា ត្រូវបង្កើតនូវគណៈកម្មាធិការចម្រុះស្តីពីវិនិយោគ (ចាប់ពីពេលនេះតទៅ ហៅថា "**គណៈកម្មាធិការ**") នៅក្នុងរយៈពេលពីរ (០២)ខែ ក្រោយកិច្ចព្រមព្រៀងនេះចូលជាធរមាន ក្នុងស្មារតីបំពេញឱ្យបាននូវគោលបំណងនៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ។ តួនាទីរបស់គណៈកម្មាធិការគឺ:

(ក) ពិភាក្សា និងពិនិត្យឡើងវិញនូវការអនុវត្ត និងប្រតិបត្តិការនៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។ និង

(ខ) ពិភាក្សាលើរាល់ការវិនិយោគពាក់ព័ន្ធផ្សេងទៀតដែលមានចែងក្នុងកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។

២- ក្នុងករណីចាំបាច់ គណៈកម្មាធិការអាចផ្តល់អនុសាសន៍សមស្របដែលមានការព្រមព្រៀងរួមគ្នា ជូនទៅភាគីជាប់កិច្ចសន្យាដើម្បីបង្កើនតួនាទី ឬជំហានការងារក្នុងទិសដៅធ្វើឱ្យបានសម្រេចនូវគោលបំណងនៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។

៣- គណៈកម្មាធិការត្រូវមានសមាសភាពដែលជាតំណាងមកពីភាគីជាប់កិច្ចសន្យា។ គណៈកម្មាធិការត្រូវកំណត់ដោយខ្លួនឯងនូវវិធាននៃនីតិវិធីដើម្បីអនុវត្តការងាររបស់ខ្លួន។

៤- គណៈកម្មាធិការ ក្រោយពេលមានការយល់ព្រមរួមគ្នា ពីភាគីជាប់កិច្ចសន្យាអាចរៀបចំឱ្យមានការប្រជុំចម្រុះជាមួយវិស័យឯកជន។

៥- លើកលែងតែមានការសម្រេចផ្សេងទៀតពីភាគីជាប់កិច្ចសន្យា គណៈកម្មាធិការត្រូវធ្វើការជួបប្រជុំម្តងក្នុងមួយឆ្នាំ ឬតាមការស្នើសុំរបស់ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀត។

មាត្រា ១៥
កិច្ចសម្រួលដល់ការវិនិយោគ

ដោយអនុលោមទៅតាមច្បាប់ និងបទប្បញ្ញត្តិនៃប្រទេសរបស់ខ្លួន ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាត្រូវសម្រួលការវិនិយោគមកពីភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀត ដោយការសម្រួលនោះរួមបញ្ចូលនូវ :

(ក) ការបង្កើតឱ្យមាននូវបរិយាកាសដែលចាំបាច់សម្រាប់គ្រប់ទម្រង់នៃការវិនិយោគ។

(ខ) ការធ្វើឱ្យសាមញ្ញនូវនីតិវិធីសម្រាប់ការដាក់សំណើ និងការអនុម័តគម្រោងវិនិយោគ។

(គ) ការជំរុញឱ្យមាននូវការផ្សព្វផ្សាយអំពីព័ត៌មានវិនិយោគ រួមបញ្ចូលជាអាទិ៍ នូវវិធាននៃការវិនិយោគ បទប្បញ្ញត្តិ គោលនយោបាយ កិច្ចព្រមព្រៀងពាណិជ្ជកម្មទ្វេ និងពហុភាគីផ្សេងទៀត និងបណ្តានីតិវិធីទាំងឡាយ។ និង

(ឃ) ការផ្តល់នូវសេវាជំនួយការ និងសេវាប្រឹក្សាទៅឱ្យអ្នកវិនិយោគនៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀត រួមបញ្ចូល ជាអាទិ៍ ការសម្រួលការដាក់សំណើសុំអាជ្ញាប័ណ្ណ និងលិខិតអនុញ្ញាត និង ការធ្វើប្រតិបត្តិការនៃគម្រោងវិនិយោគ។ "

២. **មាត្រា ១៣ (ការចូលជាធរមាន ថេរវេលា និងការបញ្ចប់)** នៃកិច្ចព្រមព្រៀង ត្រូវប្តូរទៅជា **មាត្រា ១៦ (ការចូលជាធរមាន ថេរវេលា និងការបញ្ចប់)** វិញ។

មាត្រា ២

១- ពិធីសារនេះគឺជាផ្នែកមួយនៃផ្នែកទាំងមូលរបស់កិច្ចព្រមព្រៀង។

២- ពិធីសារនេះ ត្រូវចូលជាធរមាននៅថ្ងៃទី សាមសិប(៣០) ក្រោយថ្ងៃទទួលបានការជូនដំណឹងចុងក្រោយជាលាយលក្ខណ៍អក្សរដែលផ្តល់ដោយភាគីជាប់កិច្ចសន្យាតាមរយៈផ្លូវទូតដែលបានបញ្ជាក់ពីការបានបំពេញរួចរាល់នូវនីតិវិធីផ្ទៃក្នុងសម្រាប់ការចូលជាធរមាននៃពិធីសារនេះ ឬនៅថ្ងៃដែលកិច្ចព្រមព្រៀង បានចូលជាធរមាន ពោលគឺកាលបរិច្ឆេទណាមួយដែលមាននៅចុងក្រោយបំផុត។ ពិធីសារមានសុពលភាពអនុវត្តដូចគ្នាទៅនឹងសុពលភាពអនុវត្តនៃកិច្ចព្រមព្រៀងដែរ។

ដើម្បីជាសាក្សីនៃពិធីសារនេះ អ្នកតំណាងស្របច្បាប់ ដែលរដ្ឋាភិបាលរៀងខ្លួន បានប្រគល់អំណាចត្រឹមត្រូវមានសិទ្ធិគ្រប់គ្រាន់ក្នុងការចុះហត្ថលេខាលើពិធីសារនេះ ។

ធ្វើនៅខេត្តក្បែនយ៉ាង ថ្ងៃទី២៤ ខែមិថុនា ឆ្នាំ២០១២ ជា ពីរ (០២) ច្បាប់ ជាភាសាខ្មែរ ភាសាវៀតណាម និងភាសាអង់គ្លេស។ អត្ថបទទាំងអស់មានតម្លៃតិយុត្តិស្មើៗគ្នា។ ក្នុងករណីមានការបកស្រាយមិនស្របគ្នានោះ អត្ថបទជាភាសាអង់គ្លេស ត្រូវបានយកមកធ្វើជាសំអាង។

តំណាងរដ្ឋាភិបាលនៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយម
វៀតណាម

ឡៃ ថៃ ង្វៀង
អនុរដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងផែនការ និងវិនិយោគ

តំណាងរដ្ឋាភិបាលនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា

សុខ ចិន្តា សោភា
រដ្ឋមន្ត្រីប្រតិភូអមនាយករដ្ឋមន្ត្រី
អគ្គលេខាធិការ ក្រុមប្រឹក្សាអភិវឌ្ឍន៍កម្ពុជា